

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**  
-----NEDI2-----



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

**N E D I 2**

*Lào Cai, tháng 3 năm 2012*

## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>1</b>
1	Những sự kiện quan trọng.....	1
2	Quá trình phát triển.....	4
3	Định hướng phát triển.....	4
<b>II.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>6</b>
1	Công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.....	6
2	Đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2011.....	7
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>10</b>
1	Báo cáo tình hình tài chính.....	10
2	Báo cáo kết quả SXKD năm 2011.....	12
3	Tình hình thực hiện các dự án.....	14
4	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.....	18
5	Kế hoạch chi tiết.....	20
<b>IV.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>23</b>
<b>V.</b>	<b>BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b> .....	<b>41</b>
1	Kiểm toán độc lập.....	41
2	Kiểm toán nội bộ: Không có.....	42
<b>VI.</b>	<b>CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN</b> .....	<b>43</b>
1	Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty.....	43
2	Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ.....	43
3	Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan.....	43
4	Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan.....	43
<b>VII.</b>	<b>TỔ CHỨC NHÂN SỰ</b> .....	<b>44</b>
1	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	44
2	Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.....	46
3	Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm.....	50
4	Quyền lợi của Ban Giám đốc.....	50
5	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động.....	50
6	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:.....	52
<b>VIII.</b>	<b>THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>53</b>
1	Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát.....	53
2	Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn.....	56

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1 Những sự kiện quan trọng

#### 1.1 Việc thành lập

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) là Công ty thành viên đầu tiên của Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.

Các cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Các thông tin chính về Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2:

- Tên đầy đủ : Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
- Tên tiếng Anh : Northern Electricity Development and Investment Joint Stock Company No.2
- Tên viết tắt : NEDI 2
- Trụ sở : Số 100 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại : (020) 8 23083
- Fax : (020) 823084
- Email : nedi2\_hn@yahoo.com hoặc nedi2@nedi2.com.vn
- Website : www.nedi2.com.vn
- Mã số thuế : 5300215527

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 06/05/2004, thay đổi lần thứ sáu (6) ngày 06/10/2008 là 500.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng chẵn*).

**Cơ cấu vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - VINACONEX	25.500.000	51,0%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	5.000.000	10,0%
Công ty cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - VINAICO	1.900.000	3,8%
Công ty cổ phần VIMECO	1.140.000	2,3%
Cổ đông khác	16.460.000	32,9%
<b>Tổng số</b>	<b>50.000.000</b>	<b>100,0%</b>

**Cơ cấu vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2011:**

<b>Thành phần sở hữu</b>	<b>Số cổ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - VINACONEX	13.200.000	68.08%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	2.180.000	11.24%
Công ty cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - VINAVICO	276.600	1.43%
Công ty cổ phần VIMECO	838.700	4.33%
Các cổ đông khác	2.894.350	14.92%
<b>Tổng số</b>	<b>19.389.650</b>	<b>100.0%</b>

**1.2 Niêm yết**

Hiện nay, Công ty NEDI2 đang thực hiện đầu tư hai dự án là dự án thủy điện Ngòi Phát và dự án đô thị thương mại Thủy Hoa tại địa bàn tỉnh Lào Cai. Do đó, căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành, Công ty chưa thực hiện đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán.

Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, Công ty đã thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, đồng thời được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 vào giao dịch trên thị trường UPCoM tại SGDK Hà Nội với những nội dung sau:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu CTCP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: ND2
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 19.389.650 cổ phiếu  
(Mười chín triệu ba trăm tám chín nghìn sáu trăm năm mươi cổ phiếu)
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 193.896.500.000 đồng  
(Một trăm chín mươi ba tỷ tám trăm chín sáu triệu năm trăm nghìn đồng)
- Ngày giao dịch chính thức: thứ Năm, ngày 22/07/2010

**1.3 Các sự kiện khác**

- Ngày 26/02/2008, tổ chức TUVNORD của CHLB Đức đã chính thức cấp chứng chỉ số 44100082125 công nhận Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty NEDI2 phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000;
- Ngày 11/03/2008 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận và công bố Công ty NEDI 2 là công ty đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng đăng ký với UBCKNN với số vốn điều lệ là 380 tỷ đồng;

- Ngày 23/05/2008, Công ty NEDI2 ký hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Lào Cai để phục vụ xây dựng công trình thủy điện Ngòi Phát với diện tích đất thuê là 1.040.136 m<sup>2</sup> (một triệu, không trăm bốn mươi nghìn, một trăm ba sáu mét vuông) tại địa bàn 03 xã: Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ năm 2008. Ngay sau khi hoàn tất việc ký kết hợp đồng, UBND tỉnh Lào Cai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty;
- Ngày 31/07/2008, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 2132/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Công trình thủy điện Ngòi Phát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai do Công ty NEDI 2 làm chủ đầu tư dự án;
- Ngày 21/08/2008, Công ty NEDI2 và Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký kết Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW với giá bán điện bình quân 603 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT). Đây là cơ sở pháp lý có ý nghĩa khẳng định vị trí quan trọng của dự án thủy điện Ngòi Phát trong hệ thống nguồn điện Quốc gia và tính hiệu quả cao của dự án. Dự kiến sau khi nhà máy đi vào vận hành sẽ tạo ra nguồn thu cho Chủ đầu tư khoảng 200 tỷ đồng/năm, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai và khu vực nói chung, đồng thời mang lại lợi ích cho các cổ đông của Công ty;
- Ngày 18/10/2008, Công ty NEDI2 ký Hợp đồng tín dụng cho dự án thủy điện Ngòi Phát với Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Lào Cai. Theo đó, các ngân hàng sẽ tài trợ cho dự án thủy điện Ngòi Phát với tổng giá trị hơn 972 tỷ đồng, bao gồm 535 tỷ đồng tín dụng đầu tư do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tài trợ và 437 tỷ đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước do Ngân hàng Phát triển Việt Nam tài trợ;
- Ngày 28/10/2009, Công ty NEDI2 ký Hợp đồng cung cấp thiết bị cho các Gói thầu TB-01 “Cung cấp, vận chuyển, bảo hiểm, hiệu chỉnh, thiết bị cơ khí thủy công” và Gói thầu TB-02 “Cung cấp lắp đặt thiết bị cơ điện đồng bộ và các dịch vụ kỹ thuật” của Dự án thủy điện Ngòi Phát với Công ty cổ phần LILAMA 3 và ANDRITZ HYDRO Private Limited (Ấn Độ). Đây là 2 gói thầu thiết bị rất quan trọng, quyết định tiến độ hoàn thành của cả dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Ngày 22/01/2010, Tổng công ty VINACONEX và Công ty NEDI2 đã long trọng tổ chức lễ chặn dòng dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Ngày 27/09/2010, Tổng công ty VINACONEX và Công ty NEDI2 tổ chức trọng thể Lễ thông hầm đoạn 5 từ lý trình 5+890 đến lý trình 7+004.47;
- Ngày 18/12/2010, dự án thủy điện Ngòi Phát có công suất lắp máy 72 MW đăng ký thành công với Liên Hợp Quốc trở thành Dự án CDM. Sau khi Dự án đi vào vận hành sẽ mang lại thêm một nguồn thu đáng kể hằng năm cho Chủ Dự án là 2.303.729 USD, đồng thời góp phần giảm lượng khí phát thải toàn cầu tương đương 168.597 tấn CO<sub>2</sub>/năm.
- Ngày 25/6/2011, tại xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Tổng Công ty cổ phần Vinaconex, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2 (NEDI 2), đại diện các Sở, Ban, Ngành của tỉnh Lào Cai và lãnh đạo huyện Bát Xát đã tổ chức thông hầm tuyến năng lượng, Nhà máy thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW.

## 2 Quá trình phát triển

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện.
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, vật liệu xây dựng.
- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

### 2.2 Tình hình hoạt động

Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của VINACONEX, một Tổng Công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay Công ty NEDI 2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện và bất động sản.

Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao đó, Công ty NEDI 2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, Công ty NEDI 2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

## 3 Định hướng phát triển

### ➤ SỨ MỆNH

Phấn đấu xây dựng NEDI 2 trở thành một doanh nghiệp được thừa nhận rộng rãi về tính hiệu quả cao trong các lĩnh vực hoạt động tạo ra giá trị mới.

### ➤ GIÁ TRỊ CƠ BẢN

Đoàn kết, trung thực, cởi mở, hợp tác, luôn có ý thức tự hoàn thiện bản thân là giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển con người của NEDI 2.

Cam kết mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng và các đối tác thông qua quá trình liên tục hoàn thiện phong cách làm việc chuyên nghiệp là ưu tiên hàng đầu trong chính sách chất lượng của NEDI 2.

Nâng cao năng lực sáng tạo, vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội để đạt được lợi ích cao nhất, biến những ước mơ trở thành hiện thực là nền tảng cơ

bản trong chiến lược quản trị kinh doanh của NEDI 2.

Gắn kết hoạt động kinh doanh của NEDI 2 với các hoạt động phát triển cộng đồng và xã hội.

➤ **NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

Phát triển mọi mặt một cách nhanh chóng và bền vững để trở thành một nhà đầu tư có uy tín trong lĩnh vực phát triển Năng lượng và Bất động sản.

Tối đa hoá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện phong cách làm việc chuyên nghiệp, tạo ra giá trị cho khách hàng và các Cổ đông của Công ty.

Phát huy tối đa năng lực của của cán bộ nhân viên, gắn liền tăng trưởng của Công ty với lợi ích mọi thành viên trong Công ty.

➤ **MỤC TIÊU CHÍNH TỪ NAY TỚI NĂM 2012**

Đầu tư thành công Dự án thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW tại tỉnh Lào Cai, phát điện vào lưới điện quốc gia đúng tiến độ.

Tìm kiếm cơ hội để tiếp tục triển khai đầu tư ít nhất một dự án thủy điện độc lập quy mô vừa tại các tỉnh miền Bắc.

Hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1 Công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Đánh giá chung

Trong năm 2011, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 với một loạt các giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội đã gây rất nhiều khó khăn và trở ngại cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn vay thương mại, tín dụng Nhà nước cũng như việc huy động vốn từ các kênh khác (chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp) để duy trì mục tiêu sản xuất kinh doanh. Đồng thời, việc tăng giá liên tục các mặt hàng chiến lược đầu vào quan trọng: điện, xăng dầu, than... đã gây ảnh hưởng và tác động lớn đến kế hoạch SXKD và đầu tư dự án của các doanh nghiệp. Tất cả các yếu tố trên cùng với các nguyên nhân khác do có sự tích tụ từ nhiều năm trước đã dẫn đến chỉ số lạm phát lạm phát của Việt Nam năm 2011 tăng đến 18,58%, cao nhất trong khu vực. Theo đánh giá của các chuyên gia, kinh tế Việt Nam năm 2011 khó khăn và phức tạp hơn nhiều so với năm 2008.

Xác định và đánh giá được các khó khăn trên, trong năm 2011 Công ty đã chủ động trình ĐHCĐ bằng hình thức xin ý kiến để thông qua điều chỉnh giảm các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2011 đã được phê duyệt từ đầu năm cho phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, Công ty NEDI 2 cố gắng, nỗ lực để duy trì và đảm bảo tiến độ đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát đang triển khai, cụ thể như sau:

- **Đối với dự án thủy điện Ngòi Phát:**
  - + Kết quả chung: Các mục tiêu quan trọng đều cơ bản hoàn thành, giá trị thực hiện đầu tư năm 2011 đạt 98% so với kế hoạch. Đặc biệt trong bối cảnh thị trường tín dụng và thị trường nguồn vốn gặp rất nhiều khó khăn, vốn tự có của Chủ đầu tư không đảm bảo tỉ lệ đối ứng nhưng Công ty đã chủ động đề xuất và được các Ngân hàng chấp thuận để dự án được tiếp tục giải ngân với tổng giá trị đã giải ngân trong năm 2011 là 284,58 tỷ, đạt 105% kế hoạch. Thực hiện được kết quả tích cực trên đây phần lớn là nhờ sự chia sẻ và ủng hộ to lớn của các tổ chức tín dụng đặc biệt là BIDV với vai trò vừa là Ngân hàng tài trợ vốn, vừa là cổ đông và Công ty đánh giá rất cao sự giúp đỡ này trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế trong năm vừa qua.
  - + Các hạng mục công trình quan trọng của dự án thực hiện trong năm 2011: Hoàn thành đào thông toàn bộ tuyến hầm dẫn nước và hầm áp lực dài hơn 8,1 km (chưa kể các hầm phụ dài hơn 1 km); đổ bê tông đập chính đến cao trình 422,5m/441m, bê tông nhà máy đến cao trình 112,65m/127,5m, nhập khẩu thiết bị cơ điện nhà máy đạt 63%. Tổng giá trị đầu tư tại dự án đạt 71,2% tổng vốn đầu tư. Việc xây dựng các hạng mục công trình đều đảm bảo đầy đủ các yếu tố kỹ, mỹ thuật, chất lượng công trình và an toàn lao động theo quy định.
- **Đối với dự án khu đô thị - thương mại Thủy Hoa:**

Do tác động trực tiếp từ các gói giải pháp của Chính phủ, đặc biệt là việc kiểm soát chặt chẽ việc giảm tốc độ, tỉ trọng vay vốn tín dụng trong lĩnh vực BĐS, thị trường thì trầm lắng, mất tính thanh khoản nên trong năm 2011, đối với dự án Thủy Hoa, Công ty chủ động giãn tiến độ đầu tư, đồng thời



chủ trương tìm kiếm nhà đầu tư thứ phát và/hoặc chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư khác khi đủ điều kiện để giảm áp lực về nguồn vốn, tập trung mục tiêu trọng tâm là đầu tư hoàn thành dự án thủy điện Ngòi Phát.

- **Các công việc khác:**

Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện 2 đợt chào bán cổ phần tăng vốn để bổ sung thêm nguồn vốn tự có đầu tư cho dự án Ngòi Phát, cụ thể:

- + **Đợt 1:** Quý I, Công ty thực hiện đợt chào bán cổ phần tăng vốn theo hình thức chào bán riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 22.953.222 cổ phần. Kết thúc đợt chào bán có 2 cổ đông đăng ký mua cổ phần là Tổng công ty CP Vinaconex và Công ty CP Vimeco với tổng số cổ phần đã phân phối là 6.189.023 cổ phần (đạt 26,96%), nâng tổng vốn tự có của Công ty lên 193,897 tỷ đồng (tương đương 19.389.650 cổ phần).
- + **Đợt 2:** Trong quý IV, Công ty dự kiến thực hiện đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với tổng số cổ phần phát hành thêm là 30,6 triệu cổ phần (nâng tổng số vốn tự có lên 500 tỷ đồng) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ công ty năm 2011 họp và thông qua tháng 3 năm 2011. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán Việt Nam liên tục suy thoái, sụt giảm và mất tính thanh khoản, giá cổ phiếu liên tục lao dốc nên kế hoạch phát hành cổ phiếu của Công ty đến thời điểm này vẫn chưa thành công. Vì vậy nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2012 là phải tập trung thực hiện phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ thực góp, đảm bảo đủ vốn tự có hoàn thành dự án thủy điện Ngòi Phát trong năm 2012.

Với tất cả các hoạt động trên đã góp phần duy trì ổn định hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao vị thế của NEDI 2 trong quan hệ với các đối tác và bạn hàng. Đây cũng là bước tiến quan trọng cho sự phát triển dài hạn của công ty trong những năm tiếp theo. Chi tiết đã được Ban Giám đốc trình bày trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011.

## **2 Đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2011**

Trong năm 2011, công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy và vận hành thống nhất từ Công ty đến đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống quản lý được chuẩn hóa và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành xuyên suốt từ Công ty đến đơn vị trực thuộc và các phòng ban, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị, nhất là Ban quản lý dự án Ngòi Phát.

Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty đã từng bước tạo dựng được môi trường làm việc dân chủ, khoa học, phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên; định kỳ tổ chức các phiên họp tập trung để thảo luận tình hình kinh doanh và đầu tư, chiến lược phát triển, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu NEDI 2.

Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao bằng mọi nguồn lực có thể. Đồng thời từng bước kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, tổ chức sắp xếp nhân sự các Phòng nghiệp vụ, Ban quản lý theo hướng phát triển theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và xác định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của từng phòng, ban.

Trên cơ sở phân tích tình hình trong năm 2012: khả năng về huy động nguồn vốn, đánh giá năng lực nhà thầu, tiến độ thực hiện các dự án,... Hội đồng quản trị, Ban giám đốc triển khai một số công tác chủ yếu trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 2012 cho phù hợp với tình hình thực tế.

## 2.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012

### a. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2012

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Tốc độ tăng trưởng
<b>I</b>	<b>KẾ HOẠCH SXKD</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>338,74</b>	<b>437,79</b>	<b>129%</b>
<b>A</b>	<b>Đầu tư xây dựng</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>328,25</b>	<b>424,12</b>	<b>129%</b>
<b>1</b>	<b>Thủy điện Ngòi Phát, trong đó:</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>327,85</b>	<b>424,12</b>	<b>129%</b>
	Xây dựng	tỷ đồng		242,82	
	Thiết bị	tỷ đồng		50,84	
	Khác (QLDA, tư vấn,..)	tỷ đồng		26,62	
	Lãi vay trong TGXD	tỷ đồng		103,84	
<b>2</b>	Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	0,4	-	
<b>B</b>	<b>Tiền lương</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>7,51</b>	<b>9,31</b>	<b>131%</b>
	Chi phí tiền lương	tỷ đồng	7,51	9,31	
<b>C</b>	<b>Lao động</b>	<b>người</b>	<b>51</b>	<b>88</b>	<b>173%</b>
	Tổng số lao động	người	51	88	(bổ sung thêm 37 công nhân vận hành NM đã được công ty đào tạo năm 2011)
<b>D</b>	<b>Chi phí khác (ngoài lương)</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>2,98</b>	<b>4,36</b>	<b>146%</b>
<b>1</b>	Chi phí thường xuyên	tỷ đồng	1,45	2	
<b>2</b>	Chi phí mua sắm TSCĐ, trang thiết bị văn phòng	tỷ đồng	0,03	0,13	
<b>3</b>	Chi phí sửa chữa lớn, khấu hao TSCĐ	tỷ đồng	0,2	0,28	
<b>4</b>	Chi phí khác	tỷ đồng	1,3	1,95	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch giải ngân</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>284,58</b>	<b>546,84</b>	<b>192%</b>
<b>1</b>	Vốn tự có	tỷ đồng	75,9	247,08	
<b>2</b>	Vốn BIDV	tỷ đồng	138,62	98,60	
<b>3</b>	Vốn vay VDB	tỷ đồng	70,06	201,16	

b. Ước thực hiện đầu tư dự án trong Quý I/2012

Stt	Dự án đầu tư	Đơn vị	Kế hoạch năm 2012	Ước TH Quý I/2012	Lũy kế đến Quý I/2012
1	Thủy điện Ngòi Phát	tỷ đồng	424,12	72,09	1.159,30
2	Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	0	0	15,20
	<b>Cộng</b>	tỷ đồng	<b>424,12</b>	<b>72,09</b>	<b>1.174,50</b>

**2.2 Những thuận lợi, khó khăn**

Những thuận lợi và khó khăn trong năm 2011 đã được Ban điều hành Công ty trình bày chi tiết trong báo cáo kết quả SXKD nhưng có thể đánh giá chung là trong năm 2012 sẽ khó khăn hơn năm 2011, hoạt động SXKD của Công ty trong năm nay, đặc biệt là hai dự án Công ty đang đầu tư sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn và nhiều thách thức, đặc biệt là vấn đề huy động vốn

**2.3 Định hướng chung**

Xuất phát từ tình hình cụ thể và định hướng của Công ty, các mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện trong năm 2012 là:

- + Huy động đủ vốn tự có đối ứng cho dự án Ngòi Phát thông qua việc phát hành tăng vốn. Đối tượng là từ các cổ đông và các nhà đầu tư, đối tác có thực lực tài chính để tham gia Công ty trong thời gian sớm nhất, đảm bảo đủ nguồn vốn tự có hoàn thành dự án Thủy điện Ngòi Phát.
- + Trên cơ sở nguồn vốn tự có huy động và vốn vay tín dụng, thương mại theo HĐTD đã ký và được chấp thuận gia hạn, tập trung mọi nguồn lực để đầu tư hoàn thành dự án Thủy điện Ngòi Phát, đưa vào phát điện thương mại cuối tháng 12/2012.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1 Báo cáo tình hình tài chính

##### 1.1 Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2010
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	8,84	29,12
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	91,16	70,88
<b>Cơ cấu vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	76,13	76,40
Vốn Chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	23,87	23,60
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,31	1,31
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,42	1,77
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,03	0,21
<b>Khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	%	0,11	0,11
Tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần (ROE)	đồng	53	53

##### 1.2 Phân tích và đánh giá các chỉ tiêu tài chính

- **Chỉ tiêu cơ cấu tài sản:** Theo số liệu trình bày tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm 2011 là 8,84% nhỏ hơn so với năm 2010 nhưng Tài sản dài hạn/Tổng tài sản năm 2011 là 91,16% cao hơn năm 2010 là do Ban giám đốc đẩy nhanh công tác nghiệm thu bàn giao các hạng mục công trình, thiết bị nhà máy gia công chế tạo xong đã được nhập về đến chân công trình. Bên cạnh đó việc thanh quyết toán, thu hồi tạm ứng cũng được triển khai quyết liệt, dòng tiền luân chuyển từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn trong cơ cấu tổng tài sản làm giảm tài sản ngắn hạn nhưng giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong cơ cấu tổng tài sản tăng 94,2% so với chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế đến 31/12/2010.
- **Chỉ tiêu cơ cấu vốn:** chỉ tiêu Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn năm 2011 là 76,13% giảm so với năm 2010, vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn năm 2011 là 23,87% tăng so với năm 2010 là do quý I/2011 Công ty đã phát hành riêng lẻ thêm 6.189.023 cổ phần tương đương 61.890.230.000 đồng tăng vốn điều lệ thực góp nhằm cân bằng cơ cấu vốn của Công ty.
- **Các chỉ tiêu khả năng thanh toán:** Khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty năm 2011 bằng 0,42 lần nhỏ hơn 1 điều này chứng tỏ tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty đang gặp khó khăn. Tuy nhiên, khả năng thanh toán tổng quát vẫn là 1,31 lần cho thấy khả năng tài trợ của tổng tài sản so với các khoản nợ phải trả của Công ty vẫn đang ở mức cân bằng là do Công ty đang trong giai đoạn đầu tư và mức tăng của tổng tài sản cao hơn mức tăng của các khoản nợ. Khả năng thanh toán nhanh của Công ty năm 2011 là 0,03 lần thấp hơn so với năm 2010 là do các khoản vốn vay dài hạn đã đến thời hạn phải trả nợ gốc và được chuyển sang khoản vay dài hạn đến

hạn trả, do vậy làm tăng khá cao các khoản nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang trong giai đoạn đầu tư chưa có nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh để bù đắp cho các khoản nợ. Do vậy, khoản nợ đến hạn thanh toán của Công ty đã được Ngân hàng Phát triển Lào Cai trình Ngân hàng Phát triển Việt Nam gia hạn, bên cạnh đó Công ty tiếp tục có phương án phát hành thêm cổ phiếu đảm bảo cơ cấu vốn và cân đối khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.

- *Các chỉ tiêu khả năng sinh lời:* Hiện nay, Công ty đang trong thời gian đầu tư, các dự án chưa đi vào vận hành khai thác nên chưa phát sinh lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) năm 2011 là 0,11% là từ lợi nhuận các hoạt động tài chính đóng góp, do sự điều hành tiền tệ linh hoạt của Ban giám đốc trong việc cân đối kế hoạch giải ngân, sử dụng một phần vốn tự có chưa dùng đến để tạo ra lợi nhuận tài chính và làm tăng tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần bằng 53 đồng/CP.

### 1.3 Phân tích những biến động, những thay đổi lớn và nguyên nhân

Dự án đầu tư	Đơn vị	Thực hiện 2010	Thực hiện 2011	Tốc độ tăng trưởng
Thủy điện Ngòi Phát	tỷ đồng	304,57	338,34	111,1%
Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	5,15	0,4	7,8%
<b>Cộng</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>309,72</b>	<b>338,74</b>	<b>109,4%</b>

Năm 2011, Công ty NEDI2 đã hoạt động đầu tư xây dựng so với năm 2010 với tốc độ tăng trưởng chung, đạt 109,4%.

Có thể nói, hoạt động đầu tư xây dựng hai dự án thủy điện Ngòi Phát và khu đô thị thương mại Thủy Hoa trong năm 2011 của Công ty đạt tốc độ tăng trưởng không cao do bối cảnh nền kinh tế nói chung có rất nhiều khó khăn, Ngân hàng thắt chặt tín dụng. Do vậy Công ty tập trung nguồn lực để thực hiện dự án thủy điện Ngòi Phát với tốc độ tăng trưởng năm 2011 so với năm 2010 là 111,1 %. Với tốc độ tăng trưởng trên là thành tích đáng phấn khởi là do Công ty đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ tận tình, chỉ đạo sáng suốt của lãnh đạo Tổng công ty VINACONEX và đối tác Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, Ngân hàng VDB chi nhánh Lào Cai, Ngân hàng Techcombank Lào Cai, đã ủng hộ Công ty. Bên cạnh đó Công ty đã lựa chọn được các nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm trong và ngoài nước góp phần tốc độ tăng trưởng của Công ty trong năm 2011.

### 1.4 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011

Vốn chủ sở hữu	đồng	216.553.306.513
Nguồn vốn cổ phần	đồng	193.896.507.633
Giá mỗi cổ phần	đồng	10.000
Số lượng cổ phần	CP	19.389.650
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	đồng/CP	11.168

### 1.5 Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Trong năm 2011, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 đã thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ thực góp của Công ty

NEDI 2 từ 132.006.277.633 đồng lên 193.896.507.633 đồng, cụ thể như sau:

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu đến 31/12/2011	Số cổ phần sở hữu đến 31/12/2010	Ghi chú
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - VINACONEX	13.200.000	7.210.977	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	2.180.000	2.180.000	
Công ty cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - VINAICO	276.600	285.600	
Công ty cổ phần VIMECO	838.700	638.700	
Công ty cổ phần chứng khoán SME	700.000	700.000	
Các cổ đông pháp nhân khác	57.450	57.450	
Các cổ đông là thể nhân	2.136.900	2.127.900	
<b>Tổng số</b>	<b>19.389.650</b>	<b>13.200.627</b>	

#### 1.6 Tổng số cổ phiếu theo từng loại

Số lượng : 19.389.650 cổ phần  
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần  
Loại cổ phiếu : cổ phần phổ thông

#### 1.7 Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 không có trái phiếu đang lưu hành.

#### 1.8 Số cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng : 19.389.650 cổ phần  
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần  
Loại cổ phiếu : cổ phần phổ thông

#### 1.9 Cổ tức, lợi nhuận chia cho thành viên góp vốn

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 thông qua Nghị quyết quyết định chưa chia cổ tức, lợi nhuận cho thành viên góp vốn. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2011 chuyển sang năm 2012 là 1.258.022.389 đồng.

## 2 Báo cáo kết quả SXKD năm 2011

### 2.1 Những thuận lợi, khó khăn trong năm 2011

#### a. Dự án thủy điện Ngòi Phát:

##### ➤ Thuận lợi:

- Giá bán điện: Thời điểm năm 2008, Công ty ký hợp đồng mua bán điện với EVN với giá bán điện tương đối cao tại thời điểm đó là 603 đồng/Kwh. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố, đặc biệt trong năm 2011, giá bán điện của EVN cho

các hộ tiêu thụ liên tục được Chính phủ chấp thuận cho phép điều chỉnh tăng nên Công ty đã đề xuất với EVN đề nghị đàm phán lại để điều chỉnh giá bán điện cho phù hợp và đã được chấp thuận. Hiện nay, đơn vị đang chuẩn bị các Hồ sơ để đàm phán và sẽ tiến hành đàm phán chính thức vào thời điểm thích hợp (thời điểm sau Cục Điều tiết Điện lực ban hành khung giá phát điện năm 2011 theo hướng dẫn của Thông tư số 41/2011/TT-BTC của Bộ Công thương, dự kiến trong quý I/2012).

- Với giá bán điện dự kiến sau điều chỉnh tối thiểu là 720 đồng/Kwh, tăng thêm 20% (tương đương với mức giá của các Dự án điện độc lập EVN đã ký Hợp đồng mua bán điện năm 2011). Đây là yếu tố quan trọng để tăng doanh thu, đảm bảo Dự án có hiệu quả
- Nguồn thu từ CDM: Ngày 18/12/2010, Dự án thủy điện Ngòi Phát đã được Ban Điều hành thuộc Liên Hợp Quốc (EB) đăng ký là dự án CDM, mã số 3872 với tổng tiềm năng giảm phát thải là 1.685.970 tấn CO<sub>2</sub>/10 năm (từ 2011-2020). Sau khi Dự án đi vào vận hành, dự kiến sẽ mang lại thêm một nguồn thu đáng kể hàng năm cho Công ty ngoài doanh thu bán điện là 2.303.729 USD (khoảng 48 tỷ đồng/ năm). Đây là nguồn thu dự phòng và Công ty chưa đưa vào dòng tiền trong phần đánh giá hiệu quả dự án.

➤ **Khó khăn:**

Các yếu tố khó khăn dẫn đến khả năng điều chỉnh lại tổng mức đầu tư, cụ thể:

- *Lãi vay Ngân hàng:* kể từ thời điểm phê duyệt TMĐT năm 2008, lãi suất vay vốn của Ngân hàng đã tăng mạnh, hiện tại lãi suất cho vay của các Tổ chức Tín dụng vượt gần gấp đôi so với lãi suất cho vay dự kiến trong phương án tài chính của dự án trước đây. Đây đã và sẽ là một nguyên nhân chính làm tăng TMĐT của dự án.
- *Tiến độ thi công kéo dài:* Theo kế hoạch dự án sẽ hoàn thành và bàn giao trong năm 2011, tuy nhiên do khó khăn về nguồn vốn, đặc biệt là việc huy động nguồn vốn tự có không đảm bảo tỉ lệ vốn đối ứng, nên dự án không thể hoàn thành theo dự kiến sẽ có thể sẽ làm tăng TMĐT do giá cả xây dựng tăng cao.
- *Mặt khác* do thời gian thực hiện dự án kéo dài nên ảnh hưởng đến kế hoạch trả nợ của Chủ dự án đối với các Ngân hàng, dẫn đến dự án có thể bị lỗ kế hoạch trong những năm đầu vận hành vì tổng thời gian vay vốn (ân hạn + trả nợ) không thay đổi. Hiện nay, Công ty đang làm việc với các Tổ chức tín dụng để cơ cấu lại thời gian và lịch trả nợ, đảm bảo dự án đủ nguồn để trả nợ khi đi vào hoạt động.

b. *Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa:*

➤ **Khó khăn:**

Ngày 24/02/2011 Chính phủ ra Nghị quyết số 11/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đảm bảo an sinh xã hội, trong đó tập trung ưu tiên vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh, nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa; đồng thời giảm tốc độ và tỷ trọng vay vốn tín dụng của khu vực phi sản xuất, nhất là lĩnh vực bất động sản, chứng khoán. Vì vậy, các dự án BĐS gặp nhiều khó khăn về thu xếp nguồn vốn vay ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình huy động vốn cho dự án đô thị thương mại Thủy Hoa.

## 2.2 Các chỉ tiêu thực hiện



Dự án đầu tư	Đơn vị	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ % TH/KH
Thủy điện Ngòi Phát	tỷ đồng	348,98	338,34	97%
Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	0,4	0,4	100%
<b>Cộng</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>349,02</b>	<b>338,74</b>	<b>97,1%</b>

### 3 Tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1 Dự án thủy điện Ngòi Phát

##### ➤ Tổng quan về dự án

Công trình thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW, xây dựng trên Ngòi Phát nằm trên địa bàn 03 xã bản Vược, Bản Xèo và Dền thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, dự án có tổng mức đầu tư 1.457,29 tỷ đồng. Nhiệm vụ chính của công trình: cung cấp điện năng cho khu vực Lào Cai qua lưới điện Quốc gia với điện lượng trung bình hàng năm 313,9 triệu Kwh. Tiến độ thực hiện dự án:

- + Khởi công hạng mục công trình chính : quý 03 năm 2007.
- + Hoàn thành : cuối tháng 12 năm 2012.

##### ➤ Khối lượng công việc đã thực hiện được đến 31/12/2011.

Công tác thực hiện đầu tư năm 2011 đạt 97,1% kế hoạch năm, các công việc đã thực hiện:

##### a) Phụ trợ:

- Đường thi công: Hoàn thành 15,50 km đường thi công.
- Lán trại, phụ trợ: Hoàn thành diện tích lán trại phục vụ thi công 3.110 m<sup>2</sup> (bao gồm khu lán trại A,B,C,D, khu lán trại hầm phụ HP3, khu lán trại đầu mối), hoàn thành lắp đặt 1 trạm trộn bê tông tại khu vực đầu mối.
- Cấp điện thi công: Hoàn thành tuyến đường dây 35 kV dài 7,1 km và tuyến đường dây 6kV dài 5,43 km.
- Hoàn thành lắp đặt 12 trạm biến áp phục vụ thi công.

##### b) Đập đầu mối:

- Hoàn thành đào đất đá đạt: 245.530m<sup>3</sup>/245.530m<sup>3</sup>.
- Bê tông đầu mối đạt: 14.720m<sup>3</sup>/32.330m<sup>3</sup> (đã triển khai xong bê tông cống dẫn dòng; bê tông tường trọng lực; bê tông bản chân; 1 phần bê tông bản đáy; bê tông đập tràn tới cao độ 422,5; bê tông đập dâng vai trái đến cao độ 416,5).
- Đã hoàn thành xong công tác khoan phụt chống thấm, khoan phụt gia cố trong phạm vi đập tràn tháo sâu và đang tiếp tục triển khai trong phạm vi đập dâng, tràn bên và máng tràn ngang.
- Đang triển khai lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công.

##### c) Tuyến năng lượng:

- Khối lượng đào hầm phụ tổng cộng đạt: 1.020,68m/1.020,68md.
- Khối lượng đào hầm dẫn nước đạt: 6.956,47md /6.959,47md, trong đó:

Hầm dẫn nước	Thượng lưu (m)	Hạ lưu (m)	Tổng cộng (m)	Ghi chú
Hầm chính T1	7/190,28	180,28/190,28	187,28/190,28	Còn 3m
Hầm chính T2	1.069,72/1.836,2	766,5/1.836,22	1.836,22/1.836,2	Đã thông
Hầm chính T3	939,5/1.996,2	1.056,7/1.996,2	1.996,2/1.996,2	Đã thông



Hầm dẫn nước	Thượng lưu (m)	Hạ lưu (m)	Tổng cộng (m)	Ghi chú
Hầm chính T4	848,93/1.822,3	973,37/1.822,3	1.822,3/1.822,3	Đã thông
Hầm chính T5	814,47/1.114,47	300/1.114,47	1.114,47/1.114,4	Đã thông

- Khối lượng gia cố vĩnh cửu hầm dẫn nước:

Hầm dẫn nước	Khối lượng		Luỹ kế khối lượng thực hiện		Ghi chú
	Nền (m)	Tường vòm (m)	Nền (m)	Tường vòm (m)	
Hầm chính T1	190,28	40	-	-	
Hầm chính T2	1.836,22	33	-	-	
Hầm chính T3	1.996,2	130	-	-	
Hầm chính T4	1.822,3	121	-	-	
Hầm chính T5	1.114,47	1.114,47	491,37	491,37	Nền: Km6+490,5-: -Km6+981,87 Tường vòm: Km6+490,5-: -Km6+981,87
<b>Tổng</b>	<b>6.959,47</b>	<b>1.438,47</b>	<b>491,37</b>	<b>491,37</b>	

- Đã hoàn thành Khối lượng đào hầm áp lực: 1.156,35md/1.156,35md, trong đó:

Hầm áp lực	Tổng cộng (m)	Ghi chú
Hầm áp lực đoạn 1	147/147	Đã thông hầm
Hầm áp lực đoạn 2	109,23/109,23	Đã thông hầm
Hầm áp lực đoạn 3	449/449	Đã thông hầm
Hầm áp lực đoạn 4	147/147	Đã thông hầm
Hầm áp lực đoạn 5	304/304	Đã thông hầm

- Khối lượng gia cố vĩnh cửu hầm áp lực:

Hầm áp lực	Khối lượng		Luỹ kế khối lượng thực hiện		Ghi chú
	Nền (m)	Ống thép và đổ bê tông tường vòm (m)	Nền (m)	Ống thép và đổ bê tông tường vòm (m)	
Hầm áp lực đoạn 1	147	147	-	-	
Hầm áp lực đoạn 2	109,23	109,23	-	-	
Hầm áp lực đoạn 3	449	449	-	-	
Hầm áp lực đoạn 4	147	147	-	-	
Hầm áp lực đoạn 5	304	304	304	198	
<b>Tổng</b>	<b>1.156,35</b>	<b>1.156,35</b>	<b>304</b>	<b>198</b>	

- Khối lượng thi công đào đất đá tháp điều áp phần ngầm (dưới cao độ 437) đạt 3.589m<sup>3</sup>/ 3.589m<sup>3</sup> và thi công bê tông tháp điều áp đạt 1.410,51m<sup>3</sup>/2.2026,5m<sup>3</sup>.

d) Khu vực nhà máy:

- Hoàn thành công tác đào đắp hố móng nhà máy (giai đoạn 1+ giai đoạn 2+ giai đoạn 2 hiệu chỉnh) khối lượng đất đá các loại đạt 294.413,0m<sup>3</sup>/294.413,0m<sup>3</sup>.

- Bê tông nhà máy đạt: 5.669,81m<sup>3</sup>/9.163m<sup>3</sup>.

- Đào đất đá kênh xả nhà máy đạt: 9.410,5m<sup>3</sup>/11.865m<sup>3</sup>.
  - Bê tông kênh xả nhà máy đạt: 1.290,93m<sup>3</sup>/1.992m<sup>3</sup>.
  - Thiết bị cơ khí thủy công (gói thầu TB-01):
    - + Gói thiết bị cơ khí thủy công nhà máy: Hợp đồng ký ngày 28/10/2009 với Công ty cổ phần Lilama 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam.
    - + Hiện tại đơn vị đã gia công chế tạo tại xưởng của đơn vị đã hoàn tất đạt 403,37 tấn/403,37 tấn.
    - + Nhà thầu đã vận chuyển lên công trường: Chi tiết đặt sẵn, cửa van phẳng cống dẫn dòng; chi tiết đặt sẵn, cửa van sửa chữa, dầm nâng; chi tiết đặt sẵn cửa van cung tràn xả lũ; chi tiết đặt sẵn cửa xả hạ lưu nhà máy; nhập khẩu cần trục chân dê và thiết bị thủy lực đập tràn.
    - + Đã lắp đặt xong chi tiết đặt sẵn cống dẫn dòng; đang triển khai lắp đặt chi tiết đặt sẵn cửa sửa chữa, cửa van cung và cửa xả hạ lưu nhà máy.
  - Thiết bị cơ điện nhà máy (gói thầu TB-02): Công ty đã ký hợp đồng ngày 28/10/2009 với nhà thầu Công ty Andritz Hydro (Ấn Độ) với tổng giá trị 15,4 triệu USD.
    - + Công tác sản xuất, gia công chế tạo tại xưởng (kiểm tra tại Ấn Độ): Đã thực hiện hoàn thành toàn bộ thiết bị tuabin, máy phát, van cầu, các tủ, bảng điều khiển, thiết bị trạm phân phối ngoài trời và các hệ thống phụ trợ.
    - + Hiện tại đơn vị đã vận chuyển được 13 lô thiết bị lên công trường (1.hệ thống ống, van và các chi tiết đặt sẵn; 2. ống hút; 3. cầu trục phòng gian máy; 4. Thiết bị trạm phân phối 110kv và 35kv; ...) và 8 lô đang làm thủ tục thông quan tại cảng (máy phát và máy biến áp chính) đạt giá trị là 9,69 USD/15,4 USD đạt tỷ lệ 63% Tổng giá trị hợp đồng.
    - + Đã lắp đặt xong hệ thống ống và các chi tiết đặt sẵn trong bê tông đến cao trình 112,65m.
  - Đường điện 110 kV đấu nối vào lưới điện Quốc gia.
    - + Đường điện mạch kép (15,4km): Nhà thầu đã triển khai xong công tác thi công đường điện 110kV mạch kép đạt 15,4km/15,4km. Hiện tại còn thủ tục để đấu nối tại vị trí trạm cắt Lào Cai 2.
    - + Đường điện mạch đơn (4km): Nhà thầu đã triển khai xong công tác thi công đường điện 110kV mạch đơn đạt 4km/4km. Hiện tại còn công tác đấu nối tại vị trí cột số 29 (điểm đấu nối vào mạch kép).
- e) Công tác đào tạo đội ngũ vận hành nhà máy:
- Đã hoàn thành công tác đào tạo và được cấp chứng chỉ trưởng ca, trường kíp cho 10 người có trình độ cao đẳng, đại học và cấp chứng chỉ công nhân vận hành nhà máy thủy điện cho 46 người có trình độ trung cấp nghề, công nhân kỹ thuật.

✓ **Lũy kế giá trị thực hiện đầu tư từ đầu Công trình đến 31/12/2011: 1087,2 tỷ/1525,8 tỷ** (đạt 71,3% Tổng mức đầu tư thực tế của dự án), cụ thể:

Stt	Cơ cấu chi phí	Giá trị Tổng mức Đầu tư thực tế (tỷ đồng)	Giá trị đã thực hiện đến 31/12/2011 (tỷ đồng)	Tỉ lệ%
1	Chi phí xây dựng	814,29	569,27	69,9%

2	Chi phí thiết bị	350,19	299,12	85,4%
3	Tư vấn đầu tư	51,17	45,89	89,7%
4	Đền bù và GPMB	32,52	9,5	29,2%
5	Quản lý dự án	53,39	47,3	88,6%
6	Chi phí khác	17,2	13,2	76,7%
7	Lãi vay	207,1	102,93	49,7%
	<b>Tổng cộng (1- 7)</b>	<b>1.525,86</b>	<b>1.087,21</b>	<b>71,3%</b>

✓ **Các công việc khác:**

- Các thủ tục pháp lý của dự án: Hiện nay Công ty đã cơ bản hoàn tất toàn bộ các thủ tục pháp lý liên quan đến việc đầu tư dự án: Hợp đồng bán điện, phương án đấu nối, giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, Đánh giá tác động môi trường, quy trình vận hành hồ chứa,... Trước khi nhà máy đi vào vận hành, và phát điện thương mại, Công ty sẽ hoàn thành các thủ tục còn lại: Xin đấu nối chính thức vào HTĐ Quốc gia và cấp Giấy phép hoạt động điện lực.
- Công tác đền bù GPMB:
  - + Đến ngày 02/05/2008 UBND tỉnh Lào Cai đã có quyết định số 1056/QĐ-UBND phê duyệt cho Công ty NEDI 2 được thuê 1.040.136 m<sup>2</sup> đất tại địa bàn 3 xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai để xây dựng Dự án thủy điện Ngòi Phát với thời hạn cho thuê sử dụng là 50 năm.
  - + Đến nay đã hoàn thành giải phóng mặt bằng tại các khu vực thi công như: Cụm công trình đầu mối, tuyến năng lượng; khu vực nhà máy, tuyến đường thi công đạt 967.729,74 m<sup>2</sup>. Riêng khu vực lòng hồ công tác đền bù, GPMB đang thực hiện triển khai.
- Công tác khác: Duy trì và đảm bảo tốt công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự trên công trường trong quá trình triển khai dự án.

**3.2 Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa**

➤ **Tổng quan về dự án**

Địa điểm xây dựng: đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, Tp Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Dự án có tổng mức đầu tư (sau khi đã điều chỉnh): 220 tỷ đồng, Tổng mặt bằng dự án là 5.058,2 m<sup>2</sup>. Tiến độ thi công dự án là: 36 tháng, chia làm 2 giai đoạn dự kiến như sau:

Giai đoạn 1: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, khu nhà chia lô, khu nhà biệt thự và toà nhà thương mại 5 tầng:

- + Bắt đầu: Quý IV năm 2012.
- + Thời gian xây dựng: 12 tháng.

Giai đoạn 2: Xây dựng khối nhà văn phòng - chung cư 15 tầng và hoàn thiện toàn bộ dự án:

- + Bắt đầu thực hiện: Quý IV/2012.
- + Thời gian xây dựng: 24 tháng.

➤ **Các công việc thực hiện trong năm 2011**

Trong năm 2011, do những khó khăn trong lĩnh vực đầu tư bất động sản, đặc biệt là nguồn vốn huy động, Công ty tạm dừng thực hiện đầu tư, chỉ tập trung hoàn tất các thủ tục pháp lý còn lại của dự án, cụ thể:

- + Thực hiện thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho phù hợp với mục đích sử dụng đất trong giấy chứng nhận chứng nhận đầu tư đã được tỉnh Lào Cai cấp.
- + Thực hiện thủ tục xin cấp phép xây dựng.

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn trong năm 2011: khả năng về huy động nguồn vốn, đánh giá năng lực nhà thầu, tiến độ thực hiện các dự án,...Ban giám đốc triển khai một số công tác chủ yếu trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 2012 trình HĐQT Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế.

### 3.3 **Đánh giá chung**

Năm 2011 là năm đặc biệt khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh mà Công ty NEDI 2 đang triển khai thực hiện (đầu tư xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản). Những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hai hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- + Các giải pháp của Chính phủ nhằm mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô (theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính phủ) như: thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, điều hành kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng, giảm phát hành trái phiếu, giảm tốc độ và tỉ trọng vay vốn tín dụng trong lĩnh vực bất động sản, chứng khoán, lãi suất ngân hàng duy trì ở mức cao,... dẫn đến Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thị trường vốn;
- + Lạm phát gia tăng, thị trường tỉ giá luôn biến động bất thường, giá một loạt các mặt hàng thiết yếu: điện, than, xăng...đều tăng đã đẩy giá cả hàng hóa trên thị trường tăng theo, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng: xi măng, sắt thép, gạch,.. đều tăng cao dẫn đến chi phí đầu tư tăng mạnh làm giảm hiệu quả của các dự án đầu tư chưa đi vào hoạt động;
- + Thị trường bất động sản trầm lắng và đóng băng làm giảm tính thanh khoản, tín dụng bất động sản bị thu hẹp đã ảnh hưởng lớn đến việc huy động vốn từ khách hàng cũng như giảm hiệu quả kinh tế của dự án.

## 4 **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012**

### 4.1 **Những thuận lợi và khó khăn**

#### a. *Dự án thủy điện Ngòi Phát:*

##### ➤ **Thuận lợi:**

- Giá bán điện: Thời điểm năm 2008, Công ty ký hợp đồng mua bán điện với EVN với giá bán điện tương đối cao tại thời điểm đó là 603 đồng/Kwh. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố, đặc biệt trong năm 2011, giá bán điện của EVN cho các hộ tiêu thụ liên tục được Chính phủ chấp thuận cho phép điều chỉnh tăng nên Công ty đã đề xuất với EVN đề nghị đàm phán lại để điều chỉnh giá bán điện cho phù hợp và đã được chấp thuận. Hiện nay, đơn vị đang chuẩn bị các Hồ sơ để đàm phán và sẽ tiến hành đàm phán chính thức vào thời điểm thích hợp (thời điểm sau Cục Điều tiết Điện lực ban hành khung giá phát điện năm 2011 theo hướng dẫn của Thông tư số 41/2011/TT-BTC của Bộ Công thương, dự kiến trong quý I/2012).
- Với giá bán điện dự kiến sau điều chỉnh tối thiểu là 720 đồng/Kwh, tăng thêm 20% (tương đương với mức giá của các Dự án điện độc lập EVN đã ký Hợp đồng mua bán điện năm 2011). Đây là yếu tố quan trọng để tăng doanh thu, đảm bảo Dự án có hiệu quả

- Nguồn thu từ CDM: Ngày 18/12/2010, Dự án thủy điện Ngòi Phát đã được Ban Điều hành thuộc Liên Hợp Quốc (EB) đăng ký là dự án CDM, mã số 3872 với tổng tiềm năng giảm phát thải là 1.685.970 tấn CO<sub>2</sub>/10 năm (từ 2011-2020). Sau khi Dự án đi vào vận hành, dự kiến sẽ mang lại thêm một nguồn thu đáng kể hàng năm cho Công ty ngoài doanh thu bán điện là 2.303.729 USD (khoảng 48 tỷ đồng/ năm). Đây là nguồn thu dự phòng và Công ty chưa đưa vào dòng tiền trong phần đánh giá hiệu quả dự án.

➤ **Khó khăn:**

Các yếu tố khó khăn dẫn đến khả năng điều chỉnh lại tổng mức đầu tư, cụ thể:

- *Lãi vay Ngân hàng:* kể từ thời điểm phê duyệt TMĐT năm 2008, lãi suất vay vốn của Ngân hàng đã tăng mạnh, hiện tại lãi suất cho vay của các Tổ chức Tín dụng vượt gần gấp đôi so với lãi suất cho vay dự kiến trong phương án tài chính của dự án trước đây. Đây đã và sẽ là một nguyên nhân chính làm tăng TMĐT của dự án.
- *Tiến độ thi công kéo dài:* Theo kế hoạch dự án sẽ hoàn thành và bàn giao trong năm 2011, tuy nhiên do khó khăn về nguồn vốn, đặc biệt là việc huy động nguồn vốn tự có không đảm bảo tỉ lệ vốn đối ứng, nên dự án không thể hoàn thành theo dự kiến sẽ có thể sẽ làm tăng TMĐT do giá cả xây dựng tăng cao.
- *Mặt khác* do thời gian thực hiện dự án kéo dài nên ảnh hưởng đến kế hoạch trả nợ của Chủ dự án đối với các Ngân hàng, dẫn đến dự án có thể bị lỗ kế hoạch trong những năm đầu vận hành vì tổng thời gian vay vốn (ân hạn + trả nợ) không thay đổi. Hiện nay, Công ty đang làm việc với các Tổ chức tín dụng để cơ cấu lại thời gian và lịch trả nợ, đảm bảo dự án đủ nguồn để trả nợ khi đi vào hoạt động.

**4.2 Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa:**

➤ **Khó khăn:**

Trong bối cảnh Công ty đang tập trung nguồn lực về vốn để hoàn thành Dự án thủy điện Ngòi Phát. Giải pháp của Công ty trong năm 2012 là tạm thời giãn tiến độ đầu tư, đồng thời nghiên cứu khả năng tìm kiếm nhà đầu tư thứ phát, hợp tác đầu tư và/hoặc chuyển nhượng Dự án cho Nhà đầu tư khác khi đủ điều kiện để tạo thêm nguồn vốn đầu tư Dự án thủy điện Ngòi Phát.

**4.3 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2012**

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Tốc độ tăng trưởng
I	<b>KẾ HOẠCH SXKD</b>	tỷ đồng	338,74	437,79	129%
A	<b>Đầu tư xây dựng</b>	tỷ đồng	328,25	424,12	129%
1	<b>Thủy điện Ngòi Phát, trong đó:</b>	tỷ đồng	327,85	424,12	129%
	<i>Xây dựng</i>	<i>tỷ đồng</i>		242,82	
	<i>Thiết bị</i>	<i>tỷ đồng</i>		50,84	
	<i>Khác (QLDA, tư vấn,..)</i>	<i>tỷ đồng</i>		26,62	
	<i>Lãi vay trong TGXD</i>	<i>tỷ đồng</i>		103,84	
2	Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	0,4	-	

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Tốc độ tăng trưởng
<b>B</b>	<b>Tiền lương</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>7,51</b>	<b>9,31</b>	<b>131%</b>
	Chi phí tiền lương	tỷ đồng	7,51	9,31	
<b>C</b>	<b>Lao động</b>	<b>người</b>	<b>51</b>	<b>88</b>	<b>173%</b>
	Tổng số lao động	người	51	88	(bổ sung thêm 37 công nhân vận hành NM đã được công ty đào tạo năm 2011)
<b>D</b>	<b>Chi phí khác (ngoài lương)</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>2,98</b>	<b>4,36</b>	<b>146%</b>
1	Chi phí thường xuyên	tỷ đồng	1,45	2	
2	Chi phí mua sắm TSCĐ, trang thiết bị văn phòng	tỷ đồng	0,03	0,13	
3	Chi phí sửa chữa lớn, khấu hao TSCĐ	tỷ đồng	0,2	0,28	
4	Chi phí khác	tỷ đồng	1,3	1,95	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch giải ngân</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>284,58</b>	<b>546,84</b>	<b>192%</b>
1	Vốn tự có	tỷ đồng	75,9	247,08	
2	Vốn BIDV	tỷ đồng	138,62	98,60	
3	Vốn vay VDB	tỷ đồng	70,06	201,16	

## 5 Kế hoạch chi tiết

### 5.1 Dự án thủy điện Ngòi Phát

#### ✓ Tuyến đầu mối:

- Đập tràn tháo sâu:
  - + Bắt đầu thi công lại từ 01/03/2012 đến 23/05/2012 đạt đến cao trình 430,5m (Hoàn thành đợt đổ đầu tiên của tường ngực).
  - + Từ cao trình 430,5m đến cao trình 441m (đỉnh đập) hoàn thành trong 168 ngày, kết thúc vào ngày 07/11/2012.
- Đập dâng vai trái, vai phải và cửa nhận nước được tiến hành thi công xen kẽ trong thời gian thi công đập tràn tháo sâu và kết thúc ngày 22/10/2012.
- Máng tràn ngang
  - + Thi công và hoàn thiện công tác đào đá phần còn lại ngày 14/04/2012.
  - + Khoan phụt gia cố và chống thấm hoàn thành ngày 23/05/2012.
  - + Đổ bê tông máng tràn ngang được thực hiện từ 24/05/2012 và hoàn thành ngày 21/08/2012.
  - + Lắp đặt cơ khí thủy công từ 23/10/2012 đến 24/12/2012.

#### ✓ Tuyến năng lượng.

- Công tác gia cố vĩnh cửu hầm dẫn nước.
  - + Hầm dẫn nước đoạn 1 bắt đầu thi công từ 01/03/2012 đến 26/04/2012



- + Hàm dẫn nước đoạn 2 bắt đầu thi công từ 01/03/2012 đến 12/08/2012
- + Hàm dẫn nước đoạn 3 bắt đầu thi công từ 01/03/2012 đến 15/12/2012
- + Hàm dẫn nước đoạn 4 bắt đầu thi công từ 01/03/2012 đến 20/11/2012
- + Hàm dẫn nước đoạn 5 bắt đầu thi công từ 01/03/2012 đến 12/09/2012

✓ **Tuyến hầm áp lực:**

- + Hầm áp lực đoạn 5, giếng đứng 2 và chạc 3 được thi công trong 03 tháng và hoàn thành ngày 31/05/2012.
- + Hầm áp lực đoạn 2, giếng đứng 1 và hầm áp lực đoạn 1 được thi công và hoàn thành trong 04 tháng tiếp theo, thời gian hoàn thành ngày 30/09/2012.

✓ **Nhà máy thủy điện.**

- Bê tông nhà máy giai đoạn 1 đến đỉnh dầm cầu trục hoàn thành ngày 29/04/2012;
- Hoàn thành đổ bê tông giai đoạn 2 trong nhà máy ngày 15/10/2012;
- Lắp dựng, căn chỉnh, đưa vào sử dụng cầu trục ngày 18/06/2012;
- Lắp đặt buồng xoắn các tổ máy từ ngày 19/06/2012 đến ngày 27/08/2012
- Lắp đặt tuabin các tổ máy từ ngày 28/08/2012 đến ngày 03/10/2012.
- Lắp đặt máy phát
  - + Lắp đặt máy phát tổ máy số 1 từ 19/09 đến 18/10/2012
  - + Lắp đặt máy phát tổ máy số 2 từ 11/10 đến 09/11/2012
  - + Lắp đặt máy phát tổ máy số 3 từ 02/11 đến 01/12/2012
- Căn chỉnh, chạy thử và phát điện
  - + Căn chỉnh, chạy thử và phát điện tổ máy số 1 trước ngày 17/11/2012
  - + Căn chỉnh, chạy thử và phát điện tổ máy số 2 trước ngày 09/12/2012
  - + Căn chỉnh, chạy thử và phát điện tổ máy số 3 trước ngày 31/12/2012.

✓ **Trạm phân phối điện ngoài trời**

- Được tiến hành thi công đồng thời với Nhà máy và kết thúc toàn bộ trước ngày 16/09/2012.

**5.2 Dự án khu Đô thị thương mại Thủy Hoa**

Dự báo trong năm 2012, sẽ là năm thị trường bất động sản tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh Công ty đang tập trung nguồn lực về vốn để hoàn thành Dự án thủy điện Ngòi Phát. Giải pháp của Công ty trong năm 2012 là tạm thời giãn tiến độ đầu tư, đồng thời nghiên cứu khả năng tìm kiếm nhà đầu tư thứ phát, hợp tác đầu tư và/hoặc chuyển nhượng Dự án cho Nhà đầu tư khác khi đủ điều kiện để tạo thêm nguồn vốn đầu tư Dự án thủy điện Ngòi Phát.

**5.3 Các công việc khác**

- Thực hiện rà soát lại các Hợp đồng tín dụng tài trợ vốn cho Dự án thủy điện Ngòi Phát đã ký với 2 ngân hàng (BIDV và VDB) để xin điều chỉnh, gia hạn Hợp đồng;
- Khẩn trương đàm phán với bên Mua về Hợp đồng giảm phát thải (ERPA) theo cơ chế phát triển sạch (CDM) để tạo thêm nguồn thu cho dự án trong giai đoạn từ 2013-2020 (đã được EB phê chuẩn tháng 12/2010);
- Tiếp tục cập nhật, đánh giá tình hình và có kế hoạch chính thức thương thảo

lại giá bán điện với EVN vào thời điểm thích hợp trong năm 2012. Việc điều chỉnh tăng giá bán điện của dự án thủy điện Ngòi Phát sẽ tạo thêm doanh thu, đảm bảo tăng tính hiệu quả và khả năng trả nợ cho dự án.

- Tiếp tục hoàn thiện xây dựng thương hiệu và phát triển văn hóa doanh nghiệp, quan tâm tới đời sống cho CBCNV, tham gia hưởng ứng các công tác từ thiện xã hội, các hoạt động đoàn thể, quần chúng, gắn liền phát triển của Công ty với lợi ích của mọi thành viên trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm chú trọng phát triển nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt quan tâm đào tạo cán bộ quản lý về quản trị doanh nghiệp, ngoại ngữ. Thực hiện đào tạo tại chỗ và thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp học về quản lý dự án, quản trị tài chính doanh nghiệp, tư vấn quản lý dự án,... để kịp thời cập nhật các văn bản hướng dẫn và quy định mới của Nhà nước.



## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2  
Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
Ông Trương Chí Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Khuyên	Ủy viên
Ông Phan Huy Chí	Ủy viên

##### Ban Giám đốc

Ông Trương Chí Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Chí Thành  
Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2  
Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B.01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>80.174.126.850</b>	<b>177.953.096.047</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.202.373.423</b>	<b>21.343.625.185</b>
1. Tiền	111		192.264.196	563.959.098
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.010.109.227	20.779.666.087
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	5.000.000.000	7.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>64.253.745.033</b>	<b>143.898.136.038</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.755.629.472	2.188.230.601
2. Trả trước cho người bán	132	7	59.198.381.538	138.975.699.420
3. Các khoản phải thu khác	135	8	3.299.734.023	2.734.206.017
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.718.008.394</b>	<b>5.711.334.824</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.145.905.478	5.288.744.111
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.572.102.916	422.590.713
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>827.059.567.060</b>	<b>433.116.388.588</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>804.477.110.956</b>	<b>410.528.654.709</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	51.669.574	102.629.754
- Nguyên giá	222		1.886.488.735	1.876.013.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.834.819.161)	(1.773.383.526)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		803.769.008	971.461.818
- Nguyên giá	225		971.461.818	971.461.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(167.692.810)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.291.305.131	-
- Nguyên giá	228		8.301.395.131	10.090.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.090.000)	(10.090.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	795.330.367.243	409.454.563.137
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.582.456.104</b>	<b>22.587.733.879</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.535.256.104	10.540.533.879
2. Tài sản dài hạn khác	268	12	12.047.200.000	12.047.200.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>907.233.693.910</b>	<b>611.069.484.635</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>690.680.387.397</b>	<b>466.846.100.864</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>189.995.604.685</b>	<b>100.354.863.367</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	132.725.996.786	50.623.451.294
2. Phải trả người bán	312		44.398.867.718	41.346.441.861
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		38.854.628	232.357.377
4. Phải trả người lao động	315		1.728.120.838	2.014.456.093
5. Chi phí phải trả	316		9.304.462.628	4.554.085.286
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.799.302.087	1.584.071.456
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>500.684.782.712</b>	<b>366.491.237.497</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		350.000.000	350.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	500.334.782.712	366.141.237.497
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>216.553.306.513</b>	<b>144.223.383.771</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>216.553.306.513</b>	<b>144.223.383.771</b>
1. Vốn điều lệ	411		193.896.507.633	132.006.277.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		10.295.526.491	877.584.005
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.718.822.389	697.072.133
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>907.233.693.910</b>	<b>611.069.484.635</b>



Trương Chí Thành  
Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Thủy  
Kế toán trưởng

Lê Thu Hường  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.082.312.818	1.314.885.330
7. Chi phí tài chính	22		642.461.416	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		517.872.694	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.439.851.402	1.314.885.330
11. Thu nhập khác	31		-	8.454.545
12. Chi phí khác	32		77.517.727	393.910.365
13. (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(77.517.727)	(385.455.820)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.362.333.675	929.429.510
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		340.583.419	232.357.377
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.021.750.256	697.072.133
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	53	53



Trương Chí Thành  
Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Thủy  
Kế toán trưởng

Lê Thu Hường  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.362.333.675	929.429.510
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.082.312.818)	(1.314.885.330)
Chi phí lãi vay	06	517.872.694	-
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(202.106.449)	(385.455.820)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	79.681.367.139	(33.911.526.266)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	26.831.708.266	11.391.139.765
Giảm chi phí trả trước	12	5.277.775	31.666.668
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.252.365.756)	(4.713.732.320)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(534.086.168)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(12.047.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>92.529.794.807</b>	<b>(39.635.107.973)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(390.896.030.390)	(141.854.403.885)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay	27	2.038.663.114	2.183.151.458
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(386.857.367.276)</b>	<b>(139.671.252.427)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	61.890.230.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	309.816.828.813	190.995.182.995
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93.363.404.778)	-
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(157.333.328)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>278.186.320.707</b>	<b>190.995.182.995</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(16.141.251.762)</b>	<b>11.688.822.595</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.343.625.185	9.654.802.590
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.202.373.423	21.343.625.185



Trương Chí Thành  
Giám đốc

Trần Ngọc Thủy  
Kế toán trưởng

Lê Thu Hường  
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai \*  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 53 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 47).

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi; Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất; Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ vụ xây dựng; Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 109.821.477.835 đồng. Đây là dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đang làm các thủ tục xin gia hạn khoản vay và tin tưởng rằng đề nghị của Công ty sẽ được các ngân hàng chấp nhận. Theo đó, Ban Giám đốc cho rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong tương lai và vì vậy báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 17.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, và các tài sản tài chính khác.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có nợ phải thu quá hạn, khó đòi cần phải trích lập dự phòng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Máy móc, thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản thuê tài chính thể hiện giá trị của xe ô tô Toyota thuê từ Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm kế toán và thiết kế đào lắp được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao. Các phần mềm kế toán và thiết kế đào lắp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty ngày 26 tháng 3 năm 2011 về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm 2011 hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát và Dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2011 với số tiền 12.144.654.273 đồng vào giá trị đầu tư hai công trình nêu trên và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện và dự án bất động sản tại Lào Cai. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai \*  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	39.690.801	190.168
Tiền gửi ngân hàng	152.573.395	563.768.930
Các khoản tương đương tiền (i)	5.010.109.227	20.779.666.087
	<b>5.202.373.423</b>	<b>21.343.625.185</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm.

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	-	2.000.000.000
	<u>5.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Điện lực Lào Cai	307.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	3.042.000.539	17.651.550.336
Công ty Xây dựng Công trình Tuấn Vũ	-	3.262.623.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	15.998.058.304	12.555.372.637
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp Thủy điện tỉnh Triết Giang	17.995.826.889	25.750.897.031
Công ty ANDRITZ HYDRO Private Limited	14.807.095.080	51.745.772.379
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	595.626.791	732.660.729
Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 3	2.666.464.000	11.338.600.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.487.539.775	13.781.235.383
Các đối tượng khác	1.098.770.160	1.656.987.925
	<u>59.198.381.538</u>	<u>138.975.699.420</u>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7 (i)	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.299.734.023	734.206.017
	<u>3.299.734.023</u>	<u>2.734.206.017</u>

(i) Phản ánh khoản cho Vinaconex 7 vay ngắn hạn 3 tháng với lãi suất là 0%.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	296.757.388	1.200.889.655	378.366.237	1.876.013.280
Tăng trong năm	-	-	10.475.455	10.475.455
Tại ngày 31/12/2011	<u>296.757.388</u>	<u>1.200.889.655</u>	<u>388.841.692</u>	<u>1.886.488.735</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	288.771.275	1.195.407.273	289.204.978	1.773.383.526
Khấu hao trong năm	2.083.332	2.192.956	57.159.347	61.435.635
Tại ngày 31/12/2011	<u>290.854.607</u>	<u>1.197.600.229</u>	<u>346.364.325</u>	<u>1.834.819.161</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.902.781</u>	<u>3.289.426</u>	<u>42.477.367</u>	<u>51.669.574</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>7.986.113</u>	<u>5.482.382</u>	<u>89.161.259</u>	<u>102.629.754</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát (i)	787.052.052.906	394.327.458.317
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.090.637.636	8.939.428.119
Công trình Thủy điện Chu Linh-Cốc San (ii)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sừ Pán (ii)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (ii)	1.450.000.000	1.450.000.000
	<b>795.330.367.243</b>	<b>409.454.563.137</b>

(i) Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình khi các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 110.826.328.939 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 37.041.655.766 đồng).

(ii) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sừ Pán, Tà Thàng với tổng tiền là 6.187.676.701 đồng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San (i)	2.938.961.039	2.938.961.039
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai (ii)	7.596.295.065	7.596.295.065
Chi phí ISO	-	5.277.775
	<b>10.535.256.104</b>	<b>10.540.533.879</b>

(i) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

(ii) Công ty đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán của Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai với số tiền là 7.596.295.065 đồng theo Báo cáo kiểm toán số 464/VAE-XD-NVIII ngày 09 tháng 7 năm 2005 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam trên Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn". Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào báo cáo tài chính khi có quyết toán chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

**12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ mở L/C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo Thông báo mở L/C số 955 ngày 20 tháng 5 năm 2010 với mục đích nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát từ nhà thầu của Ấn Độ với số tiền 12 tỷ VND và khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam nhằm mục đích đảm bảo cho tài sản thuê tài chính là xe ô tô Toyota với số tiền là 472 triệu đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn:</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	36.797.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (i)	46.733.789.157	1.478.861.280
Công ty Cổ phần Vimenco (ii)	500.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả:</i>		
Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.134.874.296	12.190.256.681
Vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (iii)	73.200.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	157.333.333	157.333.333
	<b>132.725.996.786</b>	<b>50.623.451.294</b>

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 05/082011/HĐHMTD/TCB-LCI ngày 15 tháng 8 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Công ty. Mục đích của khoản vay là thanh toán tiền hàng nhập khẩu thiết bị và các dịch vụ lắp đặt, hiệu chỉnh hòa điện Quốc gia - thực hiện Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 79.000.000.000 đồng. Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 46.733.789.157 đồng. Thời hạn vay là không quá 3 tháng theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được quy định trên khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ lập cho mỗi lần rút vốn vay. Tài sản đảm bảo là bất động sản của Công ty tại đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai;
- (ii) Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký khế ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimenco. Số tiền vay là 500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 2 tháng kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2011. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT giữa Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Theo các quy định trong hợp đồng vay và thực tế giải ngân, số nợ đến hạn trả trong năm 2012 là 73.200.000.000 đồng. Ngày 10 tháng 02 năm 2012, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai đã có Công văn số 33/NHPT.LCA-TD gửi Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam, đề nghị điều chỉnh thời gian vay vốn theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT nêu trên. Theo đó, thời gian bắt đầu trả nợ là từ tháng 01 năm 2013. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có công văn trả lời vấn đề này.

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	424.720.600.373	298.226.056.511
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	75.456.849.000	67.600.514.319
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (iii)	157.333.339	314.666.667
	<b>500.334.782.712</b>	<b>366.141.237.497</b>

- (i) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535.466 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng (=) 4%/năm + lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:
- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại “Dự án” hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp;
- (ii) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437.745 tỷ đồng, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.
- (iii) Tại ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê xe ô tô Toyota với số tiền là 472 triệu đồng, thời hạn thuê là 3 năm kể từ ngày giải ngân. Tiền thuê bao gồm nợ gốc và lãi thuê tài chính được trả định kỳ 03 tháng một lần. Lãi suất cho thuê tài chính là lãi suất cho thuê cơ bản của đồng Việt Nam do Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán lần đầu tiên cho nhà cung cấp cộng (+) 0,3%/tháng và điều chỉnh 06 tháng/lần. Sau khi kết thúc hợp đồng thuê, tài sản sẽ được bán lại với giá tương trung là 2 triệu đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	85.492.207.629	12.347.590.014
Trong năm thứ hai	121.896.830.524	46.592.023.668
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	147.875.340.556	139.461.404.337
Sau năm năm	230.562.611.632	180.087.809.492
	<u>585.826.990.341</u>	<u>378.488.827.511</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	85.492.207.629	12.347.590.014
<b>Số được trả sau 12 tháng</b>	<u><b>500.334.782.712</b></u>	<u><b>366.141.237.497</b></u>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	132.006.277.633	10.642.450.000	(1.103.053.171)	-	141.545.674.462
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	697.072.133	697.072.133
Chênh lệch tỷ giá	-	-	1.980.637.176	-	1.980.637.176
Tại ngày 31/12/2010	<u>132.006.277.633</u>	<u>10.642.450.000</u>	<u>877.584.005</u>	<u>697.072.133</u>	<u>144.223.383.771</u>
Nhận vốn góp	61.890.230.000	-	-	-	61.890.230.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.021.750.256	1.021.750.256
Chênh lệch tỷ giá	-	-	9.417.942.486	-	9.417.942.486
Tại ngày 31/12/2011	<u>193.896.507.633</u>	<u>10.642.450.000</u>	<u>10.295.526.491</u>	<u>1.718.822.389</u>	<u>216.553.306.513</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 và các giấy phép điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp tại ngày	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	31/12/211	31/12/2010
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000	51,0%	255.000.000.000	132.000.007.633	72.109.777.633
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	10,0%	50.000.000.000	21.800.000.000	21.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.900.000	3,8%	19.000.000.000	2.856.000.000	2.856.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	1.140.000	2,3%	11.400.000.000	8.387.000.000	6.387.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.460.000	32,9%	164.600.000.000	28.853.500.000	28.853.500.000
	<b>50.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>193.896.507.633</b>	<b>132.006.277.633</b>

**16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.021.750.256	697.072.133
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	19.389.650	13.200.628
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>53</b>	<b>53</b>

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.202.373.423	21.343.625.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.055.363.495	4.922.436.618
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	7.000.000.000
Tài sản tài chính khác	12.357.917.936	12.246.614.542
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.615.654.854</b>	<b>45.512.676.345</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	633.060.779.498	416.764.688.791
Phải trả khách hàng và phải trả khác	46.198.169.805	42.930.513.317
Chi phí phải trả	9.304.462.628	4.554.085.286
Công nợ tài chính khác	350.000.000	350.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>688.913.411.931</b>	<b>464.599.287.394</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đôla Mỹ (USD) - Trả trước cho người bán	-	-	32.802.921.968	77.496.669.410
Đôla Mỹ (USD) - Phải trả người bán	2.997.690.728	5.202.803.175	-	-
Đôla Mỹ (USD) - Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	17.232.046	2.021.748

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<u>31/12/2011</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Các khoản vay	132.725.996.786	500.334.782.712	633.060.779.498
Phải trả người bán và phải trả khác	46.198.169.805	-	46.198.169.805
Chi phí phải trả	9.304.462.628	-	9.304.462.628
Công nợ tài chính khác	-	350.000.000	350.000.000

<u>31/12/2010</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Các khoản vay	50.623.451.294	366.141.237.497	416.764.688.791
Phải trả người bán và phải trả khác	42.930.513.317	-	42.930.513.317
Chi phí phải trả	4.554.085.286	-	4.554.085.286
Công nợ tài chính khác	-	350.000.000	350.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2011</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.202.373.423	-	5.202.373.423
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.055.363.495	-	5.055.363.495
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tài sản tài chính khác	310.717.936	12.047.200.000	12.357.917.936

<u>31/12/2010</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.343.625.185	-	21.343.625.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.922.436.618	-	4.922.436.618
Đầu tư ngắn hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Tài sản tài chính khác	199.414.542	12.047.200.000	12.246.614.542



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2011	2010
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Vimeco	48.215.146.209	61.136.600.343
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	1.149.901.406	1.006.552.959
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	6.446.312.235	25.190.298.186
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	820.442.647	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex - Vinaconex 34	239.215.108	-
<b>Góp vốn</b>		
Công ty Cổ phần Vimeco	2.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	59.890.230.000	-

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011	2010
	VND	VND
Lương	725.389.009	920.888.284
Các khoản khác	201.600.000	134.400.000
	<b>926.989.009</b>	<b>1.055.288.284</b>

**Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	2.068.076.470	2.029.611.670
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	946.015.724	2.000.217.800
Công ty Cổ phần Vimeco	1.183.521.022	1.266.944.092
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	15.998.058.304	12.555.372.637
Công ty Cổ phần Vimeco	3.042.000.539	17.651.550.336
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	150.000.000	150.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	36.797.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	500.000.000	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	8.332.101.638	1.309.561.175
Công ty Cổ phần Vimeco	22.702.344.587	18.572.414.593
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	-	2.746.535.097
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Vinaconex 34	1.288.854.876	1.025.718.257
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	2.436.375.131	2.436.375.131
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	3.075.666.649
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	147.458.011	147.458.011
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	102.295.784	-
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	1.485.438.424	1.260.443.020
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	125.607	125.607
Công ty Cổ phần Vimeco	41.158.810	41.158.810

**19. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Trương Chí Thành  
Giám đốc

Trần Ngọc Thủy  
Kế toán trưởng

Lê Thu Hương  
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1 Kiểm toán độc lập

**Deloitte.**

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +844 6288 3568  
Fax: +844 6288 5678  
www.deloitte.com/vn

Số: *1038* /Deloitte-AUDHN-RE

#### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:*

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đang theo dõi trên Tài khoản 241 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và Tài khoản 242 "Chi phí trả trước dài hạn" các khoản chi phí cho công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sứ Pán, Tà Thàng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 đồng và 2.938.961.039 đồng. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)**


**Ý kiến (Tiếp theo)**

*Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau (Tiếp theo):*

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 3 năm 2011 về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2011 vào giá trị các công trình đầu tư và phản ánh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” tại bảng cân đối kế toán với số tiền 12.144.654.273 đồng.


Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 109.821.477.835 đồng. Đây là dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đang làm các thủ tục xin gia hạn khoản vay và tin tưởng rằng đề nghị của Công ty sẽ được các ngân hàng chấp nhận. Theo đó, Ban Giám đốc cho rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong tương lai và vì vậy báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.



  
Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 14 tháng 3 năm 2012*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

  
Hoàng Văn Kiên  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV



**2 Kiểm toán nội bộ: Không có.**



## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### 1 Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) nắm giữ 68.08% vốn điều lệ thực góp tại Công ty, tương ứng 13.200.000 cổ phần.

### 2 Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không có

### 3 Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Không có

### 4 Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

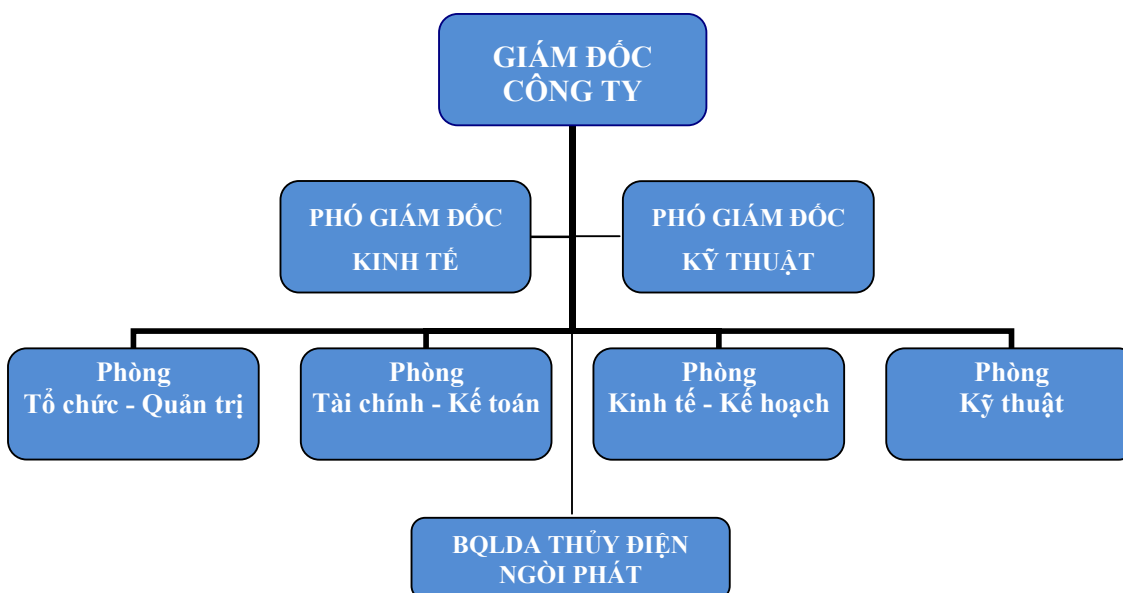
Hoạt động và tình hình tài chính của Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) trong năm 2011 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011
1	Tổng doanh thu	5.134.551.112.626
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	255.881.264.668
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	249.142.300.773
4	Lợi nhuận ròng	131.130.535.070
5	ROA	0,81%
6	ROE	3,12%
7	Tài sản	
8	Tổng tài sản lưu động ngắn hạn	7.211.605.381.716
9	Tổng tài sản	16.174.791.246.762
10	Nợ ngắn hạn	7.005.640.713.307
11	Tổng nợ	11.584.921.171.431
12	Vốn chủ sở hữu	4.195.839.443.288



## VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### 1 Cơ cấu tổ chức của Công ty



#### 1.1 Phòng Tổ chức - Quản trị

Trưởng phòng : **Nguyễn Văn Kiên** Sinh năm 1957

Trình độ chuyên môn : Trung học Xây dựng

##### Chức năng chính của phòng:

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Xây dựng bộ máy quản lý, hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch phát triển lực lượng lao động là cán bộ viên chức, chuyên viên, kỹ sư, nhân viên các Ngành, đủ phẩm chất và năng lực để đáp ứng cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý nhân lực thuộc tất cả các đối tượng lao động là cán bộ nhân viên Công ty.
- Theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tổ chức - lao động - tiền lương - chế độ trong toàn Công ty.
- Quản lý công tác hành chính, bảo vệ, y tế trong toàn Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế, các chế độ chính sách của Nhà nước tại đơn vị cơ sở.
- Tham mưu, giúp việc cho chi ủy Công ty trong công tác quản lý và xây dựng Chi bộ.

#### 1.2 Phòng Tài chính - Kế toán

Trưởng phòng : **Trần Ngọc Thủy** Sinh năm 1972

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán

Chức năng chính của phòng:

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác tài chính - tín dụng - kế toán, thông tin kinh tế, tổ chức hạch toán kinh tế trong toàn Công ty.
- Huy động các nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn, vật tư, tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời xây dựng và duy trì các nguồn vốn nói trên.
- Hoạch định chiến lược tài chính, tín dụng đầu tư của Công ty trong kế hoạch ngắn hạn, dài hạn 5 - 10 năm của Công ty.
- Quản lý, bảo toàn và phát triển tiền vốn, tài sản của các cổ đông theo đúng những quy định chung của Pháp luật và Điều lệ Công ty về quản lý tài chính.
- Tổ chức công tác lên sàn giao dịch Chứng khoán và Bản cáo bạch theo luật định.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, HĐQT, Đại hội đồng cổ đông Công ty và Pháp luật về các thông tin tài chính kế toán, các báo cáo tài chính của toàn Công ty.

**1.3 Phòng Kinh tế - Kế hoạch**

Trưởng phòng : **Nguyễn Hải Đăng** Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Ngoại ngữ : Chứng chỉ C Anh văn

Chức năng chính của phòng:

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Hoạch định kế hoạch dài hạn 5 năm, kế hoạch định hướng 10 năm của Công ty căn cứ các mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng, giám sát và quản lý kế hoạch sản xuất và kinh doanh hàng năm, hàng quý, hàng tháng trong toàn Công ty;
- Nghiên cứu, đánh giá cơ hội đầu tư; chỉ đạo tổ chức triển khai công tác chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật trong toàn Công ty;
- Tổ chức theo dõi, quản lý việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh, liên kết; Hợp đồng kinh tế; Hợp đồng mua sắm thiết bị, Hợp đồng vay và cho vay;
- Lập kế hoạch đấu thầu, chủ trì thực hiện kế hoạch đấu thầu theo quy định đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư; quản lý kinh tế các công trình, hạng mục công trình do Công ty tổ chức thực hiện; chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng giá thành sản phẩm đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;

**1.4 Phòng Kỹ thuật**

Phụ trách phòng : **Nguyễn Văn Hưng** Sinh năm 1978

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Chức năng chính của phòng:

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình xây dựng và các sản phẩm hàng hoá khác, tiến độ thi công, biện pháp thi công, khối lượng thực hiện các dự án trong toàn Công ty;
- Xây dựng, hướng dẫn thực hiện, theo dõi, giám sát công tác bảo hộ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp các dự án trong toàn Công ty;
- Hoạch định xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ, tổ chức thực hiện các đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chương trình ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật mới trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ công tác quản lý vật tư - thiết bị của dự án, trang thiết bị kỹ thuật và xe máy trong toàn Công ty.

### 1.5 Ban Quản lý dự án thủy điện Ngòi Phát

Giám đốc Ban QLDA : **Phạm Huy Thức** Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật

Ngoại ngữ : Chứng chỉ C Anh văn

#### Chức năng chính của Ban QLDA:

Là đơn vị chuyên môn có chức năng thay mặt Công ty để thực hiện việc quản lý, điều hành thực hiện dự án thủy điện Ngòi Phát, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau:

- Thay mặt Công ty trong quan hệ với các cấp có thẩm quyền và các bên có liên quan để đảm bảo quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án được quy định tại Quy chế Ban Quản lý dự án;
- Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của dự án;
- Tổ chức bàn giao từng hạng mục và toàn bộ công trình để đưa vào khai thác sử dụng;
- Tổ chức bảo hành công trình.

## 2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Trương Chí Thành	Giám đốc
Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc
Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc

### 2.1 Giám đốc Công ty

Họ và tên : **Trương Chí Thành**

Chức vụ : Giám đốc Công ty

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 17 tháng 02 năm 1967

Nơi sinh : Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Địa chỉ thường trú : 14-16 phố Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (Đại học Université Libre de Bruxelles) Kỹ sư xây dựng (Trường Đại học Giao thông Vận tải)  
 Cử nhân Anh văn (Trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội)  
 Email : truongchithanhvn@yahoo.com

a. *Quá trình công tác:*

<b>Thời gian công tác</b>	<b>Chức vụ, địa vị công tác</b>
1990 – 1992	Cán bộ Công ty Kim khí Hà Nội
1992 – 1993	Kỹ sư xây dựng, Văn phòng đại diện Công ty LUCKY SIX (Canada) tại Hà Nội
1993 – 1994	Kỹ sư xây dựng, Văn phòng đại diện Tập đoàn xây dựng KAJIMA (Nhật Bản) tại Hà Nội
1994 – 1995	Kỹ sư xây dựng, Công ty Vật tư và xây dựng công trình giao thông (Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 8 - CIENCO 8)
1995 – 2001	Điều phối viên, Văn phòng đại diện Tập đoàn xây dựng NISHIMATSU (Nhật Bản) tại Hà Nội
2001 – 2003	Kỹ sư xây dựng, Phó trưởng Ban chuẩn bị đầu tư các dự án thủy điện, Phó Trưởng phòng Đầu tư Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – VINACONEX
2003 – 2004	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36
2004 – nay	Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI 2)

b. *Thành tích:*

<b>Thời gian</b>	<b>Thành tích</b>
2004	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở
2005	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2006	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2007	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2008	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

2009	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2010	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2011	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

## 2.2 Phó Giám đốc

Họ và tên	: <b>Nguyễn Hải Đăng</b>	Ngày sinh: 07/5/1973
Chức vụ	: Phó Giám đốc Công ty	
Giới tính	: Nam	
Nơi sinh	: Viện Quân y 103, phường Phúc La, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây	
Quốc tịch	: Việt Nam	
Dân tộc	: Kinh	
Địa chỉ thường trú	: Nhà 18/C5, Khu tập thể Học viện quân y, TP Hà Đông, HN	
Trình độ văn hoá	: 12/12	
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế	
Email	: dang_nedi2@yahoo.com	

### a. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
1996 – 2001	Nhân viên phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 6
2001 – 2002	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2002 – 2003	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2003 – 2004	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý đầu tư và xây dựng các nhà máy thủy điện (Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam - VINACONEX)
7/2004 - 7/2007	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
7/2007 – nay	Phó giám đốc Công ty, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

### b. Thành tích:

Thời gian	Thành tích
2004	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty
2005	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty
2006	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng



2007	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2008	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2009	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2010	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2011	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

### 2.3 Phó Giám đốc

Họ và tên	: <b>Nguyễn Trung Hải</b>	Ngày sinh	03/3/1959
Chức vụ	: Phó Giám đốc Công ty		
Giới tính	: Nam		
Nơi sinh	: Hà Nội		
Quốc tịch	: Việt Nam		
Dân tộc	: Kinh		
Địa chỉ thường trú	: Phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội		
Trình độ văn hoá	: 10/10		
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ khí chế tạo (Đại học Cơ điện Thái Nguyên)		

#### a. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
1982 – 1983	Kỹ thuật trưởng cơ khí, Công ty Xây dựng thủy công (Tổng công ty Sông Đà )
1984 – 1985	Giám đốc xưởng cơ khí, Công ty xây dựng thủy công
1985 – 1989	Phó trưởng phòng quản lý cơ giới, phó tổng đội bơm bê tông Nhật Công ty xây dựng thủy công
1990 – 1991	Kỹ sư trưởng nhà máy nghiền sàng tại công trình Badushdamp, Cộng hòa Irap – Hợp tác lao động
1991 – 1993	Trưởng ban quản lý vật tư thiết bị Công ty xây dựng VINACONCO 3 +
2003 – 2006	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
3/2006 - 7/2007	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
7/2007 – nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

#### b. Thành tích:

Thời gian	Thành tích
-----------	------------

2004	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở
2006	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở
2007	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2008	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2009	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2010	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2011	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

### 3 Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm

Không có

### 4 Quyền lợi của Ban Giám đốc

Quyền lợi của Ban Giám đốc bao gồm tiền lương và các chế độ phụ cấp, tiền thưởng khác được quy định tại Điều lệ và Quy chế trả lương của Công ty.

Quý lương hàng năm của Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

- Tiền lương của Ban Giám đốc năm 2011 : 926.989.009 đồng
- Các quyền lợi khác của Ban Giám đốc năm 2011 : Không có

### 5 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

#### 5.1 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2011, tổng số lao động của Công ty là 52 người.

#### a. Cơ cấu lao động của Công ty theo đơn vị nghiệp vụ, chức năng:

- Ban Giám đốc 03 người
- Phòng Tổ chức - Quản trị 04 người
- Phòng Tài chính - Kế toán 05 người
- Phòng Kinh tế - Kế hoạch 03 người
- Phòng Kỹ thuật 06 người
- Ban Quản lý dự án thủy điện Ngòi Phát 31 người

#### b. Cơ cấu lao động của Công ty theo trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ, cao học 02 người
- Đại học 30 người
- Cao đẳng 05 người
- Trung học chuyên nghiệp 05 người

- Lao động có tay nghề 10 người

## 5.2 Chính sách với người lao động

Công ty đã ban hành chính sách với người lao động, bao gồm Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tuyển dụng nhân lực, Quy chế quản lý cán bộ nhân viên, Quy chế tiền lương, Quy chế trả lương phù hợp với Điều lệ Công ty và pháp luật lao động hiện hành.

### a. Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động về chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý, thực hiện ký hợp đồng lao động với toàn bộ lao động trong Công ty. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản đều được tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

### b. Chính sách đào tạo

Đoàn kết, trung thực, cởi mở, hợp tác, luôn có ý thức tự hoàn thiện bản thân là giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển con người của NEDI 2. Do đó, cán bộ nhân viên của Công ty luôn được khuyến khích và tạo điều kiện học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn ngày càng tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Thông qua môi trường làm việc và chính sách đào tạo tại Công ty, người lao động được định hướng hành động vào việc luôn có ý thức tự hoàn thiện bản thân, xây dựng văn hoá doanh nghiệp nhằm biến vị thế và cơ hội của Công ty ngày hôm nay thành hiện thực tăng trưởng và phát triển vượt bậc hơn nữa trong tương lai, xây dựng Công ty NEDI 2 phát triển về mọi mặt, được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm, được xã hội thừa nhận.

Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho người lao động. Mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức chuyên môn, dưới hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hoặc tham gia các khoá học tập trung ngắn hạn, dài hạn bên ngoài. Bên cạnh đó, công tác đào tạo tại chỗ thông qua công việc với sự hướng dẫn của các trưởng bộ phận đối với người lao động chiếm một vai trò đặc biệt quan trọng. Mọi thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức này đã trưởng thành rất nhanh chóng.

Khi với những vị trí công việc cần thiết, Công ty tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức chuyên môn.

### c. Chính sách tiền lương, tiền thưởng

Chính sách tiền lương - tiền thưởng, xếp lương, nâng mức lương và phân phối tiền lương, thu nhập cho cán bộ, công nhân viên được xây dựng nhằm đảm bảo công bằng, hợp lý, tuân thủ chính sách của nhà nước về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ thu nhập khác, khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất lao động, tạo sự gắn bó của mỗi cán bộ công nhân viên với sự phát triển của Công ty, tạo điều kiện cho người lao động có trình độ chuyên môn, năng lực được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ.

Hàng năm, căn cứ hệ thống thang bảng lương thống nhất trong toàn Công ty, hệ số tiền lương – tiền thưởng của từng vị trí công việc mà người lao động

đảm nhận đều được Công ty tiến hành xem xét, đánh giá, chấm điểm chi tiết để quyết định dựa trên các tiêu chí:

- Trình độ chuyên môn, các kỹ năng được đào tạo;
- Mức độ thách thức, sáng tạo của công việc;
- Tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật;

**6 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:**

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT và Chủ tịch Công ty đối với ông Trịnh Hoàng Duy vì lý do yêu cầu công tác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 20/3/2012.
- Bổ sung 01 thành viên HĐQT là ông Nguyễn Ngọc Điệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 20/3/2012 và HĐQT công ty đã bầu ông Nguyễn Ngọc Điệp giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty kể từ ngày 22/3/2012
- Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với ông Lưu Chấn Hưng theo quyết định số 456/2011/HĐQT-NEDI2 ngày 27/10/2011 của Hội đồng quản trị Công ty
- Bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty đối với ông Trần Ngọc Thủy theo quyết định số 455/2011/HĐQT-NEDI2 ngày 27/10/2011 của Hội đồng quản trị Công ty

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1 Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch	Thành viên độc lập không điều hành
Lê Thị Kim Khuyên	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Trương Chí Thành	Thành viên	Kiểm Giám đốc
Nguyễn Đức Lưu	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Phan Huy Chí	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

BAN KIỂM SOÁT		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban	Thành viên độc lập không điều hành
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

#### 1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2011

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và ban hành các nghị quyết, quyết định về xây dựng và định hướng cho Ban Giám đốc Công ty thực hiện các chương trình hành động tích cực và đồng bộ, đảm bảo hoạt động có hiệu quả và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty như sau:

Ngày	Nội dung	Loại báo cáo
16/02/2011	Xem xét kế hoạch triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ Công ty theo phương thức chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua.	Nghị quyết 01/2011/NEDI2- HĐQT
05/03/2011	Triển khai chi tiết việc thực hiện tăng vốn điều lệ Công ty theo phương thức chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua.	Nghị quyết 02/2011/NEDI2- HĐQT
17/02/2011	Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2011, thông qua việc điều chỉnh kế hoạch chào bán cổ phần riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010, thông qua phương án phát hành cổ phiếu Công ty năm 2011 và các vấn đề khác có liên quan.	Nghị quyết 03/2011/NEDI2- HĐQT
31/03/2011	Kết thúc đợt chào bán cổ phần riêng lẻ trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ thực góp của Công ty NEDI 2 trong quý I năm 2011	Nghị quyết 154/2011/NEDI2- HĐQT
06/06/2011	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011	Nghị quyết 04/2011/NEDI2- HĐQT



04/08/2011	Thông qua việc thế chấp tài sản của Công ty NEDI 2 là toàn bộ khu đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 219, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, Thành Phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	Nghị quyết 05/2011/NEDI2- HĐQT
20/08/2011	Thông qua kết quả chào bán cổ phần riêng lẻ và thống nhất bổ sung nội dung phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty lên 500 tỷ đồng.	Nghị quyết 06/2011/NEDI2- HĐQT
30/09/2011	Thông qua việc điều chỉnh giảm các chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty, tìm kiếm đối tác chiến lược tham gia Công ty và công tác quản lý nhân sự của Công ty.	Nghị quyết 07/2011/NEDI2- HĐQT

### 1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011

Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ quý, năm và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty (Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty ...) trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2011, cụ thể:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật.

### 1.4 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành

Tổng mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2011 là 514.800.000 đồng, trong đó của Hội đồng quản trị là 396.000.000 đồng, của Ban kiểm soát là 118.800.000 đồng.

Giá trị các khoản thù lao và chi phí chi tiết cho từng người cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Chức danh	Chủ tịch	Thành viên
Thù lao	6.000.000 đ/tháng	4.800.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	500.000 đ/tháng	500.000 đ/tháng

BAN KIỂM SOÁT		
Chức danh	Trưởng ban	Thành viên
Thù lao	3.600.000 đ/tháng	2.400.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	500.000 đ/tháng	500.000 đ/tháng

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH	
Lương cố định	24.000.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	1.500.000 đ/tháng
Tiền ăn trưa	600.000 đ/tháng
Tiền trang bị đồng phục	1.500.000 đ/năm

Ngoài các quyền lợi trên, các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành được quy định theo Điều lệ công ty và các văn bản chính sách hiện hành của nhà nước đối với công ty cổ phần.

**1.5 Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo
Lê Thị Kim Khuyên	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp
Trương Chí Thành	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp
Nguyễn Thanh Hoàn	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp

**1.6 Tỷ lệ sở hữu, đại diện cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Thời điểm 31/12/2010		Thời điểm 31/12/2011		Thay đổi
	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
Trịnh Hoàng Duy	3.599.720	27.27%	6.000.000	30.94%	3,67%
Lê Thị Kim Khuyên	2.180.000	16.51%	2.180.000	11.24%	-5,27%
Trương Chí Thành	1.590.069	12.04%	3.072.700	15.85%	3,81%
Nguyễn Đức Lưu	1.530.169	11.59%	3.000.000	15.47%	3,88%
Phan Huy Chí	700.000	5.3%	700.000	3.61%	-1,69%
Nguyễn Thanh Hoàn	285.600	2.16%	276.600	1.43%	-0,73%

**1.7 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và những người liên quan**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Giao dịch cổ phiếu
Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch	Không phát sinh
Lê Thị Kim Khuyên	Thành viên	Không phát sinh
Trương Chí Thành	Thành viên	Phát sinh tăng 12.800 cổ phần
Nguyễn Đức Lưu	Thành viên	Không phát sinh
Phan Huy Chí	Thành viên	Không phát sinh
Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	Không phát sinh

**BAN KIỂM SOÁT**

Họ và tên	Chức vụ	Giao dịch cổ phiếu
Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban	Không phát sinh
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Không phát sinh
Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Không phát sinh

**BAN GIÁM ĐỐC**

Họ và tên	Chức vụ	Giao dịch cổ phiếu
Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc	Không phát sinh
Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc	Không phát sinh

**1.8 Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan**

Không có

**2 Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**

**2.1 Thông tin chung về cơ cấu cổ đông**

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	
Pháp nhân		8	17.252.750	89%
- Trong nước		8	17.252.750	89%
- Nước ngoài				
Thể nhân	547		2.136.900	11%
- Trong nước	547		2.136.900	11%
- Nước ngoài				
Tổng cộng	555		19.389.650	100%

**2.2 Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước**

Không có

**2.3 Thông tin chi tiết về cổ đông lớn**

Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Cổ phần nắm giữ	Biến động tỷ lệ SH	
			Số lượng	Tỷ lệ	
Tổng Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	34 Láng Hạ, thành phố Hà Nội	Xây dựng	13.200.000	68.08%	0
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	191 Bà Triệu, thành phố Hà Nội	Ngân hàng	2.180.000	11.24%	0

**2.4 Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài**

Không có

